

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG,
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày 19/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hữu Tỷ và bà Phạm Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà My - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đắc Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Glong, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 65/2024/HS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HS ngày 27/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/HSST-QĐ ngày 10/01/2025, số 06/2025/HSST-QĐ ngày 21/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Glong, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Giàng A S (Có mặt)**, tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh năm 1993 tại tỉnh L; nơi cư trú: thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: tin lành; con ông Giàng A N (sinh năm 1960) và bà Sùng Thị C (sinh năm 1970), hiện trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; Gia đình bị cáo có 08 người con, bị cáo là con thứ hai, Bị cáo có vợ là Vàng Thị X (sinh năm 1995, là bị cáo trong cùng vụ án); bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2013 và con nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh.

2. Bị cáo **Vàng Thị X (Có mặt)**, tên gọi khác: không; giới tính: nữ; sinh năm 1995 tại tỉnh L; nơi cư trú: thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: tin lành; con ông Vàng A V (sinh năm 1961) và bà Thào Thị S (sinh năm 1961), hiện trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; Gia đình bị cáo có 08 người con, bị cáo là con thứ sáu, bị cáo có chồng là Giàng A S (sinh năm 1993, là bị cáo trong cùng vụ án); bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2013 và con nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh.

3. Bị cáo **Giàng A M (Có mặt)**, tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh năm 1997 tại tỉnh L; nơi cư trú: thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: tin lành; con ông Giàng A N (sinh năm 1960) và bà Sùng Thị C (sinh năm 1970), hiện trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; Gia đình bị cáo có 08 người con, bị cáo là con thứ tư, Bị cáo có vợ là Lầu Thị S (sinh năm 1995), hiện trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2018 và con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng A S, Vàng Thị X và Giàng A M:

1. Bà Vi Thị A (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*) - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ.

2. Ông Y L (*Có mặt*) - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ; địa chỉ: bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự: Ông Lê Văn H (*Có mặt*) - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Lầu Bá T (*Có mặt*) – Cán bộ, Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông huyện Đ, tỉnh Đ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ma A L (*Vắng mặt*)
2. Anh Ma A P (*Vắng mặt*)
3. Anh Giàng Seo Q (*Có mặt*)
4. Anh Cháu A C (*Vắng mặt*)
5. Anh Giàng A T (*Vắng mặt*)
6. Chị Giàng Thị C (*Có mặt*)
7. Chị Giàng Thị T (*Vắng mặt*)
8. Anh Thào A C (*Vắng mặt*)
9. Anh Hảng A S (*Vắng mặt*)
10. Anh Giàng Seo H (*Vắng mặt*)
11. Anh Sùng Seo H, sinh năm 1997 (*Vắng mặt*)
12. Anh Giàng A M, sinh năm 2003 (*Vắng mặt*)
13. Anh Giàng Minh N (*Vắng mặt*)
14. Anh Trách A X (*Vắng mặt*)

15. Anh Tráng A V (*Vắng mặt*)

16. Chị Thào Thị L (*Có mặt*)

Cùng địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 17/02/2024, Giàng A S bàn với vợ là Vàng Thị X về việc thuê người chặt, phát một đám rừng lô ô thuộc địa phận xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ để trồng keo. S nói với X sẽ thuê người chặt, phát vào buổi tối (*từ 18 giờ đến 00 giờ đêm*) để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng và sẽ trả công phát 400.000 đồng/buổi, cao hơn so với phát vào ban ngày để thuê được nhiều người. Sau khi thống nhất như trên, khoảng từ 14 giờ ngày 20/02/2024, S và X bắt đầu đi quanh khu vực gần nhà mình thuộc thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ để tìm người thuê phát rừng. Trong đó, S trực tiếp thuê được Ma A L, Giàng Thị C (*em ruột của S*), Giàng A M (*em ruột của S*), Cháu A C, Tráng A X, Thào A C và Hằng A S. X thuê được Giàng A T và Giàng Minh N. Ngoài ra, Ma A P, Giàng Seo Q, Giàng A M, Thào Thị L, Giàng Thị T, Tráng A V, Giàng Seo H và một số người khác (*chưa rõ nhân thân lai lịch*) biết được thông tin S tìm thuê người phá rừng với công cao nên cũng chủ động tham gia phá rừng thuê cho S. Tất cả những người này đều trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. S và X chỉ cho những người này vị trí đám rừng cần thuê phát, yêu cầu họ tự chuẩn bị dao phát, đèn pin và phải có mặt tại địa điểm trên trước 18 giờ để bắt đầu tiến hành việc chặt phá rừng và làm xong, thì đến gặp S để lấy tiền công.

Khoảng 17 giờ ngày 20/02/2024, S nói M (*em trai S*) đi vào vị trí rừng thuê phát trước để giám sát những người tham gia phát rừng và đưa cho M 50.000 đồng để M đi mua nước mang vào cho những người phát thuê rừng cho S uống. Khoảng 18 giờ cùng ngày, M chở theo 01 bình nước (*loại 25 lít*) đi vào vị trí rừng trên. Tại đây M gặp Ma A L, Ma A P, Giàng Seo Q, Giàng A M (*sinh năm 2003*), Giàng Minh N và khoảng 15 người khác đang dùng đèn pin để soi và dùng dao phát chặt, phát cây ở khu vực rừng phía bên phải đường đi, theo sát hồ nước và tiếp giáp với rẫy cà phê của anh Giàng A T thuộc lô 31, 35a, 35b, 35c, khoảng 3, tiểu khu 1753.

Khoảng 18 giờ cùng ngày S nói X đưa tiền để S trả tiền công cho những người phát thuê (*không nhớ số tiền cụ thể*). Sau khi X đưa tiền, S đi vào vị trí rừng thuê người phát thì thấy mọi người đang chặt, phát rừng. S chỉ đạo M chỉ dẫn để những người phát cây phải để chừa cách đường và vị trí giáp ranh với những hộ dân khác khoảng 02 - 03m để cây không bị đổ ra đường và khi đốt không cháy lan sang những diện tích liền kề. Quá trình phá rừng, S đứng ở vườn

cà phê của anh Giàng A T làm nhiệm vụ cảnh giới cơ quan chức năng. M làm nhiệm vụ chỉ dẫn cho mọi người phát cây theo yêu cầu của S, chuyển nước cho người phát cây uống, những người còn lại trực tiếp sử dụng dao phát để chặt, phát cây. Những người trên phát đến khoảng 23 giờ cùng ngày, thì gần xong diện tích rừng tại lô 31, 35a, 35b, 35c, khoảnh 3, tiểu khu 1753 và có một số người di chuyển qua phát tại vị trí rừng phía bên trái đường đi giáp với vườn keo của anh Hạng A M thuộc lô 25, 35a, khoảnh 3 và lô 72, 95, khoảnh 4 tiểu khu 1753. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày thì những người trên phát hết diện tích rừng của S thuê phát tại lô 31, 35a, 35b, 35c, khoảnh 3, tiểu khu 1753 và một phần diện tích rừng tại lô 25, 35a, khoảnh 3 và lô 72, 95, khoảnh 4 tiểu khu 1753 thì nghỉ và đến gặp S để lấy tiền công. S trả cho mỗi người 400.000 đồng. Khi đưa tiền, S nói với những người này tối ngày 21/02/2024 đi chặt, phát tiếp và nhờ những người trên gọi thuê thêm người chặt, phát cây cho S. Sáng ngày 21/02/2024, Q và chị Vừ Thị C (vợ M - sinh năm 2003) đến nhà gặp X để lấy tiền công. X đã trả cho Q, chị C mỗi người 400.000 đồng. Còn M, L và P chưa nhận tiền công.

Khoảng 18 giờ ngày 21/02/2024, có khoảng 30 người vào vị trí rừng trên để tiếp tục phát thuê cho S. Trong đó có L, P, Q, N, M (sinh năm 2003), Giàng Thị C, Giàng Thị T, Giàng A T, Tráng A X, Thào A C, Tráng A V, Cháu A C, Hạng A S, Sùng Seo H, Giàng Seo H và Thào Thị L và những người khác (chưa xác định được nhân thân) tham gia chặt phát. Quá trình phá rừng, S và M tiếp tục làm nhiệm vụ như ngày 20/02/2024, những người còn lại trực tiếp sử dụng dao phát để chặt, phát cây. Những người này bắt đầu phát từ diện tích rừng phía bên tay trái đường đi giáp các khu vực đất trống thuộc lô 25, 35a, 36, khoảnh 3 tiểu khu 1753. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì phát xong diện tích rừng này chuyển sang vị trí rừng đang phát dở vào tối ngày 20/02/2024 tại lô 25, 35a, khoảnh 3 và lô 72, 95, khoảnh 4 tiểu khu 1753 để phát tiếp. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì những người này phát xong toàn bộ diện tích rừng mà S thuê. Sau khi phát xong, những người trên đến gặp S để lấy tiền công, mỗi người nhận được 400.000 đồng, trong đó L nhận chung cho L và P 02 ngày công được 1.600.000 đồng rồi đưa lại cho P 800.000 đồng. Còn M về gặp S tại nhà và được S trả cho 500.000 đồng. Quá trình điều tra, Giàng A S, Giàng A M, Vàng Thị X, Ma A L, Ma A P, Giàng Seo Q, Cháu A C, Giàng A T, Giàng Thị C, Giàng Thị T, Thào A C, Hạng A S, Giàng Seo H, Sùng Seo H, Giàng A M (sinh năm 2003), Giàng Minh N, Tráng A X, Tráng A V, Thào Thị L đã khai nhận và chỉ dẫn để Cơ quan CSĐT Công an huyện, phối hợp với các cơ quan chức năng xác định diện tích, vị trí rừng mà những người này tham gia chặt, phát. Đồng thời giao nộp lại những đồ vật, tài liệu, liên quan đến việc hủy hoại rừng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 26, 27/02/2024, xác định diện tích rừng bị hủy hoại là 27.473m² (2,7473 ha) tại lô 25, 31, 35a, 35b, 35c, 36,

khoảnh 3 và lô 72, 95, khoảnh 4, tiểu khu 1753, do UBND xã Đ quản lý.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp số 01-2024/KL/GĐCN ngày 06/3/2024 và Kết luận giám định tư pháp bổ sung số 03-2024/KL/GĐCN ngày 23/8/2024 của ông Trương Xuân H - Giám định viên tư pháp công tác tại Hạt Kiểm lâm liên huyện Đ - G, thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ kết luận: Toàn bộ diện tích 27.473m² (2,7473 ha) cây bị phá trái pháp luật tại lô 25, 31, 35a, 35b, 35c, 36, khoảnh 3 và lô 72, 95, khoảnh 4, tiểu khu 1753, đủ tiêu chí thành rừng; trạng thái là “Rừng lồ ô”; thuộc quy hoạch “đất rừng sản xuất”. Về trữ lượng rừng bị thiệt hại: 8.982 cây/27.473m². Mức độ thiệt hại về rừng: 100%.

Bản Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 06/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Glong xác định: Giá trị thiệt hại về tài nguyên rừng của 27.473m² (2,7473 ha) rừng bị hủy hoại vào thời điểm ngày 20, 21/02/2024 là **338.700.942** đồng (*Ba trăm ba mươi tám triệu bảy trăm ngàn chín trăm bốn mươi hai đồng*).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “*Hủy hoại rừng*” và đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Giàng A S, Vàng Thị X và Giàng A M phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giàng A S 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vàng Thị X từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giàng A M từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 815A/QĐ-ĐCSHS-KTMT ngày 25/10/2024, trả lại những giấy tờ xác định nhân thân cho chủ sở hữu hợp pháp là Giàng A S, Vàng Thị X, Giàng A M, Giàng Seo Q và Tráng A V.

- Tịch thu tiêu hủy 17 đèn pin, 13 dao phát, 02 lưỡi dao phát, 01 bình nước màu xanh dương, loại 25 lít, nhãn hiệu KINAWA đã thu giữ.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.122.000 đồng do Giàng A M và các đối tượng Ma A L, Ma A P, Giàng Seo Q, Cháu A C, Giàng A T, Giàng Thị C, Giàng Thị T, Thào A C, Hảng A S, Giàng Seo H và Sùng Seo H thu lợi bất chính (*đây là tiền công được S trả và tiền thừa từ việc S đưa cho để mua nước uống*) đã giao nộp.

- Truy thu, nộp ngân sách nhà nước đối với Giàng A M (*sinh năm 2003*), Giàng Minh N mỗi người số tiền 800.000 đồng, đối với Tráng A X, Tráng A V, Thào Thị L mỗi người số tiền 400.000 đồng do thu lợi bất chính; trả lại cho Sùng Seo H số tiền 1.100.000 đồng đã giao nộp do không liên quan đến vụ án.

Đối với 01 mũ bảo hiểm, màu xám - trắng đã thu giữ. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Glong đã thông báo truy tìm chủ sở hữu để xác minh, làm rõ các nội dung có liên quan nhưng đến nay chưa xác định được chủ sở hữu và sự liên quan đến vụ án. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Glong đã tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự tổng số tiền 338.701.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 111.000.000 đồng đã nộp bồi thường khắc phục hậu quả, các bị cáo còn phải liên đới bồi thường số tiền còn lại là 227.701.000 đồng.

Đối với Ma A L, Ma A P, Giàng Seo Q, Cháu A C, Giàng A T, Giàng Thị C, Giàng Thị T, Thào A C, Hảng A S, Giàng Seo H, Sùng Seo H, Giàng A M (*sinh năm 2003*), Giàng Minh N, Tráng A X, Tráng A V, Thào Thị L có tham gia chặt phát rừng thuê cho Giàng A S nhưng những người này đều không có sự bàn thảo thống nhất với nhau, chỉ biết những người đi cùng mình và đứng bên cạnh mình tham gia chặt phát rừng còn những người khác là ai và có bao nhiêu người cùng tham gia trong từng buổi, được ai thuê thì không biết. Do vậy, chưa có đủ căn cứ để buộc tất cả những người này phải chịu chung trách nhiệm vai trò đồng phạm. Qua kết quả điều tra, không làm rõ được người nào đến chặt trước, người nào đến chặt sau và diện tích rừng cụ thể do từng người phá, từng nhóm phá để phân hóa trách nhiệm do vậy không có căn cứ xử lý.

Đối với những đối tượng tham gia chặt, phát rừng thuê cho Giàng A S và Vàng Thị X nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an huyện cần tiếp tục xác minh, khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau

Về ý kiến của người bào chữa (ông Y L) cho các bị cáo Giàng A S, Vàng Thị X và Giàng A M:

Về tội danh đề nghị áp dụng đối với các bị cáo về tội “*Hủy hoại rừng*” là đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật; các tình tiết giảm nhẹ

đã đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là đầy đủ và phù hợp, đồng ý với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện đã đề nghị. Tuy nhiên, do diện tích đất rừng trước đây là được bố mẹ cho, không biết là đất rừng, chỉ nghĩ là phát rừng sợ bị kiểm lâm ngăn cản nên mới thuê người phát rừng vào buổi tối, không nhận thức được hành vi của mình đã phạm tội hủy hoại rừng; việc để xảy ra phát rừng với diện tích lớn có một phần trách nhiệm của UBND xã Đ trong việc quản lý rừng không kịp thời phát hiện, ngăn cản việc phát rừng; các bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo, điều kiện kinh tế khó khăn, đang nuôi con nhỏ, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đề nghị áp dụng thêm Điều 54 và Điều 65 xử phạt dưới khung, cho bị cáo Giàng A S được hưởng án treo. Đối với mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo Vàng Thị X và Giàng A M là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Thiệt hại xảy ra rất lớn nhưng kinh tế các bị cáo rất khó khăn, ngoài khả năng của các bị cáo nên cần xem xét giảm một phần bồi thường cho các bị cáo.

Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Do các bị cáo thuộc hộ cận nghèo sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí hình sự và dân sự cho các bị cáo.

Về ý kiến của các bị cáo: Về tội danh, hình phạt và xử lý vật chứng không có ý kiến gì. Về phần trách nhiệm dân sự, các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự tổng số tiền 338.701.000 đồng; bị cáo S đã bồi thường số tiền 46.000.000 đồng, X đã bồi thường số tiền 32.000.000 đồng và M đã bồi thường số tiền nộp 33.000.000 đồng (tổng cộng là 111.000.000 đồng) nên bị cáo S đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền 87.701.000 đồng, bị cáo X đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền 70.000.000 đồng và bị cáo M đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền 70.000.000 đồng (tổng số tiền còn lại phải bồi thường là 227.701.000 đồng). Ngoài ra, các bị cáo không tranh luận gì thêm, khi được nói lời sau cùng đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Về ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Về ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự: Yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 338.701.000 đồng, bằng với số tiền theo kết quả định giá thiệt hại của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, được trừ đi số tiền 111.000.000 đồng các bị cáo đã nộp bồi thường khắc phục hậu quả nên các bị cáo còn phải liên đới bồi thường số tiền còn lại là 227.701.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị

cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, nguyên đơn dân sự và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

[3]Hội đồng xét xử xét thấy: Với mục đích phá rừng để lấy đất trồng cây keo nên tối ngày 20 và 21/21/2024 bị cáo Giàng A S và bị cáo Vàng Thị X đã thuê bị cáo Giàng A M giám sát, chỉ dẫn để Ma A L, Ma A P, Giàng Seo Q, Châu A C, Giàng A T, Giàng Thị C, Giàng Thị T, Thào A C, Hảng A S, Giàng Seo H, Sùng Seo H, Giàng A M (*sinh năm 2003*), Giàng Minh N, Tráng A X, Tráng A V, Thào Thị L và một số đối tượng khác (*chưa xác định nhân thân lại lịch*) chặt, phát rừng với tổng diện tích là 27.473m² (2,7473 ha) rừng sản xuất tại lô 25, 31, 35a, 35b, 35c, 36, khoảnh 3 và lô 72, 95, khoảnh 4, tiểu khu 1753, do UBND xã Đ quản lý, giá trị thiệt hại tính bằng tiền là **338.701.000** đồng (*Ba trăm ba mươi tám triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng*). Các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được rằng việc chặt, phát hoặc thuê người khác chặt phát cây rừng trái phép vi phạm pháp luật và bị nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Do đó hành vi của các bị cáo Giàng A S, Vàng Thị X và Giàng A M đã phạm tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²);

..

[4]Xét tính chất vụ án do hành vi của các bị cáo gây ra thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm hại đến sự bền vững, ổn định của môi trường và hệ sinh

thái. Diện tích rừng mà các bị cáo hủy hoại lớn nhưng thuộc rừng trung bình và rừng nghèo, chủ yếu là cây lồ ô và một ít cây gỗ nhỏ. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả xảy ra.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại; các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, nhận thức pháp luật còn hạn chế; do đó các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Vàng Thị X khi phạm tội đang mang thai và nuôi con nhỏ nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm n Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Xét về vai trò của các bị cáo và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Các bị cáo Giàng A S, Vàng Thị X và Giàng A M cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo Giàng A S và Vàng Thị X là người trực tiếp thuê những người khác phát rừng và trả tiền cho họ, bị cáo Vàng A S là người khởi xướng và trực tiếp giám sát những người phát rừng thuê và trả tiền cho họ, bị cáo Vàng Thị X không trực tiếp phát rừng hay giám sát phát rừng, còn bị cáo Giàng A M là người được thuê để giám sát, chỉ dẫn cho những người khác phát rừng và được trả tiền thuê, không trực tiếp phát rừng và không được hưởng lợi ích từ diện tích rừng bị phát này nên vai trò của bị cáo Giàng A S là cao nhất, rồi đến bị cáo Vàng Thị X và bị cáo Giàng A M giữ vai trò thấp nhất nên cũng cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với vai trò của các bị cáo trong cùng vụ án.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu nên cần xử phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo. Bị cáo Giàng A S là người khởi xướng và giữ vai trò tích cực hơn nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có tác dụng phòng ngừa chung. Bị cáo Vàng Thị X có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, đang nuôi 02 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo, được cải tạo ngoài xã hội. Bị cáo Giàng A M có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và bị cáo chỉ là người giúp sức, người được thuê giám sát việc phát rừng, không được lợi gì từ diện tích rừng bị hủy hoại nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo, được cải tạo ngoài xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự yêu các bị cáo phải liên đới bồi thường đối với diện tích 27.473m² rừng do UBND xã Đ quản lý bị hủy hoại với tổng số tiền 338.701.000 đồng, bằng với số tiền định giá giá trị thiệt hại về tài nguyên rừng bị hủy hoại. Các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường tổng số tiền 338.701.000 đồng cho nguyên đơn dân sự, cụ thể: bị cáo S đồng ý bồi thường số

tiền 133.701.000 đồng, bị cáo X bồi thường số tiền 102.000.000 đồng và bị cáo M bồi thường số tiền 103.000.000 đồng. Xét yêu cầu bồi thường của nguyên đơn dân sự là phù hợp và các bị cáo cũng đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền này nên cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tổng số tiền là 338.701.000 đồng. Do các bị cáo đã nộp số tiền 111.000.000 đồng bồi thường khắc phục hậu quả (bị cáo S nộp số tiền 46.000.000 đồng, bị cáo X nộp số tiền 32.000.000 đồng và bị cáo M nộp số tiền 33.000.000 đồng) nên các bị cáo còn phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền còn lại là 227.701.000 đồng (bị cáo S bồi thường 87.701.000 đồng, bị cáo X bồi thường 70.000.000 đồng và bị cáo M bồi thường 70.000.000 đồng).

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tham gia phá rừng nhưng các bị cáo đã đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự nên không cần buộc những người này phải liên đới với các bị cáo để bồi thường số tiền này.

[9]Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 815A/QĐ-ĐCSHS-KTMT ngày 25/10/2024, trả lại những giấy tờ xác định nhân thân cho chủ sở hữu hợp pháp là Giàng A S, Vàng Thị X, Giàng A M, Giàng Seo Q và Tráng A V là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với 17 đèn pin, 13 dao phát, 02 lưỡi dao phát, 01 bình nước màu xanh dương, loại 25 lít, nhãn hiệu KINAWA đã thu giữ trên là công cụ liên quan đến hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 6.122.000 đồng do Giàng A M và Ma A L, Ma A P, Giàng Seo Q, Cháu A C, Giàng A T, Giàng Thị C, Giàng Thị T, Thào A C, Hảng A S, Giàng Seo H và Sùng Seo H đã thu lợi bất chính (*đây là tiền công được S trả và tiền thừa từ việc S đưa cho để mua nước uống*) và đã giao nộp cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với Giàng A M (*sinh năm 2003*), Giàng Minh N mỗi người đã nhận số tiền 800.000 đồng và Tráng A X, Tráng A V, Thào Thị L mỗi người đã nhận số tiền 400.000 đồng, đây là số tiền do thu lợi bất chính nên cần truy thu, nộp ngân sách nhà nước; đối với số tiền 1.100.000 đồng do Sùng Seo H đã giao nộp nhưng không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho Sùng Seo H.

Đối với 01 mũ bảo hiểm, màu xám - trắng đã thu giữ. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong đã thông báo truy tìm chủ sở hữu để xác minh, làm rõ các nội dung có liên quan nhưng đến nay chưa xác định được chủ sở hữu và sự liên quan đến vụ án. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong đã tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[10]Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo thuộc hộ cận nghèo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[11]Đối với Ma A L, Ma A P, Giàng Seo Q, Cháu A C, Giàng A T, Giàng Thị C, Giàng Thị T, Thào A C, Hảng A S, Giàng Seo H, Sùng Seo H, Giàng A M (sinh năm 2003), Giàng Minh N, Tráng A X, Tráng A V, Thào Thị L chỉ tham gia chặt phát rừng thuê cho Giàng A S. Quá trình tham gia chặt phát rừng những người này đều không có sự bàn bạc thống nhất với nhau, chỉ biết những người đi cùng mình và đứng bên cạnh mình tham gia chặt phát rừng còn những người khác là ai và có bao nhiêu người cùng tham gia trong từng buổi, được ai thuê thì không biết. Do vậy, chưa có đủ căn cứ để buộc tất cả những người này phải chịu chung trách nhiệm vai trò đồng phạm cùng những đối tượng khác và với các bị cáo. Mặt khác, kết quả điều tra, không làm rõ được người nào đến phát trước, người nào đến phát sau và diện tích rừng cụ thể do từng người phá, từng nhóm phá để phân hóa trách nhiệm do vậy không có đủ căn cứ xử lý hình sự đối với những trường hợp này.

Đối với những đối tượng tham gia chặt, phát rừng thuê cho Giàng A S và Vàng Thị X nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong cần tiếp tục xác minh, khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[12]Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tại phiên tòa là cơ bản phù hợp, đúng người, đúng tội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Giàng A S, Vàng Thị X và Giàng A M phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giàng A S 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án hình sự.

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vàng Thị X 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giàng A M 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vàng Thị X và bị cáo Giàng A M cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ tổng số tiền **338.701.000** đồng, được khấu trừ số tiền 111.000.000 đồng các bị cáo đã nộp để bồi thường khắc phục hậu quả (*Biên bản giao nhận đồ vật, vật chứng ngày 18/11/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Glong và Chi cục THADS huyện Đăk Glong, biên lai thu tiền số 0001948, số 0001949 và số 0001950 ngày 02/12/2024 của Chi cục THADS huyện Đăk Glong*). Các bị cáo còn phải tiếp tục liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ số tiền còn lại là 227.701.000 đồng, trong đó bị cáo Giàng A S bồi thường số tiền 87.701.000 đồng, bị cáo Vàng Thị X bồi thường số tiền 70.000.000 đồng và bị cáo Giàng A M bồi thường số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Glong đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 815A/QĐ-ĐCSHS-KTMT ngày 25/10/2024, trả lại những giấy tờ xác định nhân thân cho chủ sở hữu hợp pháp là Giàng A S, Vàng Thị X, Giàng A M, Giàng Seo Q và Tráng A V.

- Tịch thu, tiêu hủy 17 đèn pin, 13 dao phát, 02 lưỡi dao phát, 01 bình nước màu xanh dương, loại 25 lít, nhãn hiệu KINAWA đã thu giữ trên là công cụ liên quan đến hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.122.000 đồng do Giàng A M và các đối tượng Ma A L, Ma A P, Giàng Seo Q, Cháu A C, Giàng A T, Giàng Thị C, Giàng Thị T, Thào A C, Hảng A S, Giàng Seo H và Sùng Seo H đã thu lợi bất chính.

- Truy thu, nộp ngân sách nhà nước đối với Giàng A M (*sinh năm 2003*), Giàng Minh N mỗi người số tiền 800.000 đồng, đối với Tráng A X, Tráng A V và Thào Thị L mỗi người số tiền 400.000 đồng do thu lợi bất chính.

- Trả lại cho Sùng Seo H số tiền 1.100.000 đồng đã giao nộp do không liên quan đến vụ án.

(Có đặc điểm như biên bản giao nhận đồ vật, vật chứng ngày 18/11/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong và Chi cục THADS huyện Đắk Glong)

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ bản án, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Glong (02);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đắk Glong
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS,
Đội THAHS);
- Bị cáo, người bào chữa, nguyên đơn dân
sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên
quan;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng